

Số: /QĐ-SGDĐT

Sóc Trăng, ngày

tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV, ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BNV);

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục (sau đây gọi tắt là Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT);

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 2669/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo và Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 53/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Công đoàn ngành Giáo dục tỉnh;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã và thành phố;
- Lưu: VT, TĐKT.

GIÁM ĐỐC

Châu Tuấn Hồng

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trực thuộc

Sở Giáo dục và Đào tạo

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT, ngày tháng 3 năm 2021
của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các tổ chức, cá nhân ngoài ngành bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tập thể, cá nhân trong ngành Giáo dục.
2. Các tập thể, cá nhân ngoài ngành Giáo dục có công lao đóng góp cho sự nghiệp giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua

Thực hiện theo Khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng:

1. Tự nguyện, tự giác, công khai;
2. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV; Điều 3 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND và Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

1. Việc xét khen thưởng phải trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể và cá nhân, kết hợp với việc phân loại đánh giá cán bộ, công chức, viên chức khi tổng kết năm theo quy định Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; thành tích ở mức nào khen thưởng ở mức đó; chú trọng khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Trong một năm, không trình khen thưởng cấp tỉnh từ hai chuyên đề cho cùng một tập thể hoặc cá nhân (trừ trường hợp tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện phong trào đạt thành tích tiêu biểu xuất sắc).

3. Trong cùng một thành tích đạt được, nếu đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng cho tập thể lớn thì không đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng đối với các đơn vị thuộc và trực thuộc của tập thể đó và ngược lại.

4. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

5. Khi khen thưởng cho tập thể, cá nhân không thuộc đối tượng quản lý về tổ chức, cán bộ, quỹ lương, bộ, ban, ngành, tỉnh chỉ khen thưởng các hình thức thuộc thẩm quyền, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

6. Khi bình xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp phải tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản) mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác, kết quả bỏ phiếu phải đạt từ 60% trở lên. Riêng Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả bỏ phiếu phải đạt từ 70% trở lên.

Điều 5. Những trường hợp chưa xem xét và không xét khen thưởng

Thực hiện theo Điều 4 của Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND và Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

1. Trường hợp chưa xem xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV:

“Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.”

2. Những trường hợp không xét khen thưởng

a) Công chức, viên chức, người lao động mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

b) Tập thể, cá nhân vi phạm pháp luật bị các cơ quan chức năng xử phạt, xử lý kỷ luật hoặc thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Đơn vị, địa phương có lãnh đạo chủ chốt (Bí thư Chi bộ, Đảng bộ; Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng) bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì không xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho tập thể đơn vị nhưng tập thể trực thuộc vẫn được tham gia xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

d) Không đề nghị khen thưởng cấp tỉnh khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư hoặc phục vụ Hội nghị, Hội thảo...

Điều 6. Xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chuyển công tác, nghỉ thai sản

Thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND.

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên có kết quả học tập từ loại khá trở lên (có giấy xác nhận) thì năm đó được xếp danh hiệu “Lao động tiên tiến”, để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

2. Đối với cá nhân được điều động, chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được biệt phái đến đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do đơn vị biệt phái xem xét quyết định và được đơn vị tiếp nhận cá nhân được biệt phái xác nhận.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

Thực hiện theo Điều 6 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND và Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm chỉ đạo và chủ trì phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng đối với các đơn vị trực thuộc và các phòng giáo dục và đào tạo. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và Trưởng các phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua trong đơn vị.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp có trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua, thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, đơn vị; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chương II **TIÊU CHUẨN VÀ TỈ LỆ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA,** **HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

Điều 8. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với cá nhân

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với toàn ngành.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho các cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc, lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.
- b) Có sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với toàn tỉnh.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

- b) Có sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với toàn toàn quốc.

Điều 9. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu và hình thức khen thưởng

Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV và Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ Sáng kiến trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành hướng dẫn xét công nhận sáng kiến đối với các đơn vị trực thuộc.

Điều 10. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua đối với tập thể

Các danh hiệu Cờ thi đua UBND tỉnh, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc” được thực hiện theo quy định tại Điều 26, Khoản 1 Điều 27 và Khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng; Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm vào dịp tổng kết năm.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm.

c) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” chỉ xét tặng cho đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, ban ngành tỉnh và tương đương.

Điều 11. Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo Điều 11, Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND:

1. Phạm vi xét tặng: Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hằng năm cho các đơn vị dẫn đầu khối thi đua cấp trung học phổ thông.

2. Tiêu chuẩn xét tặng: Việc xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện trên cơ sở tổng kết phong trào thi đua hàng năm của các khối thi đua, có ký kết giao ước thi đua, có xây dựng quy chế hoạt động bình xét, chấm điểm thi đua, để chọn ra đơn vị dẫn đầu khối thi đua. Các đơn vị được suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của cấp ngành;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc ngành học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

3. Việc phân chia khối thi đua cấp trung học phổ thông đảm bảo hợp lý, thống nhất và tương quan, hài hòa giữa các địa phương, đơn vị. Số lượng khối thi đua và bình xét thi đua khối thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành Quy định tiêu chí đánh giá các lĩnh vực công tác đối với các đơn vị trực thuộc Sở.

Ngoài việc dựa vào tiêu chuẩn danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ căn cứ vào kết quả chấm điểm các lĩnh vực công tác vào cuối năm học để đánh giá và xem xét đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ cho đơn vị dẫn đầu khối thi đua.

Điều 12. Tỷ lệ xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo Điều 15, Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND và Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND:

1. Danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: Không quá 50% tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Các đơn vị căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, số lượng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và chất lượng những đề tài, sáng kiến của các cá nhân được ứng dụng thật sự mang lại hiệu quả cao cho đơn vị để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” có trong đơn vị.

c) Khi tính tỷ lệ danh hiệu thi đua, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

2. Hình thức khen thưởng

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Đối với cá nhân: Không quá 50% số cá nhân đủ điều kiện đề nghị tặng Bằng khen;

Đối với tập thể: Không quá 50% số tập thể đủ điều kiện đề nghị tặng Bằng khen.

b) Khi tính tỷ lệ hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một); Trường hợp cơ quan, đơn vị chỉ có 01 tập thể thì không tính tỷ lệ.

c) Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo Khoản 3 Điều 3 Thông tư 21/2020/TT-BGDĐT

Bảo đảm không quá 1/3 các hình thức khen thưởng cấp Bộ là cán bộ quản lý.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 13. Giấy khen

Thực hiện theo Khoản 1, Điều 13, Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND:

Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo để tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề; khen thưởng học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích ở các kỳ thi, cuộc thi, hội thi văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp tỉnh hằng năm do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị.

Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời và do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp xem xét, quyết định theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 và Điều 76 Luật Thi đua, khen thưởng, Khoản 41 và Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Khoản 3, Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo Điều 14 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND và Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND:

1. Khen thưởng thành tích đột xuất: Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận, gồm các trường hợp sau:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích rõ ràng trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn và các giải thể thao cấp quốc tế, quốc gia (khu vực, vùng, miền) với giải Nhất, Nhì, Ba và giải Nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn và các giải thể thao cấp tỉnh (do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, Ban tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh).

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tổ chức, cá nhân có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản; đóng góp và vận động đóng góp trong công tác xã hội, từ thiện tại tỉnh Sóc Trăng có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho cá nhân, tổ chức có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh.

2. Khen thưởng theo công trạng

a) Đối với cá nhân: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

b) Đối với tập thể: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

Việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đánh giá, công nhận.

3. Khen thưởng cho học sinh đạt kết quả xuất sắc và giáo viên trực tiếp hướng dẫn

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các học sinh đạt kết quả xuất sắc như sau:

Học sinh giỏi toàn cấp Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông: Kết thúc năm học, mỗi trường chọn 01 học sinh tiêu biểu xuất sắc nhất cả cấp học đề nghị khen thưởng; riêng trường Trung học phổ thông Chuyên chọn 03 học sinh.

Học sinh đạt giải Nhất ở kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp Trung học cơ sở hoặc cấp Trung học phổ thông, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh hàng năm được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích ở các kỳ thi quốc tế, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Học sinh thi đỗ lần đầu trong kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia và đỗ vào Đại học đạt điểm bình quân từ 8,0 điểm trở lên cho một môn thi (không tính hệ số), trong đó không có môn nào đạt dưới 7 điểm.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho giáo viên trực tiếp hướng dẫn các học sinh đạt giải Nhất ở kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp Trung học cơ sở hoặc cấp Trung học phổ thông, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh; không quá 02 giáo viên trực tiếp hướng dẫn các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích ở kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, các kỳ thi quốc tế.

4. Đối với các đơn vị tham gia trong khối thi đua: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét tặng Bằng khen đối với các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhưng không được bình chọn đề nghị tặng Cờ thi đua. Số lượng và tiêu chuẩn khen thưởng thực hiện theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 15. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT:

1. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

Ngoài ra, cá nhân có 02 năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận.

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, có tác dụng nêu gương và được đơn vị, địa phương ghi nhận, tôn vinh.

c) Có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp; có sáng kiến, giải pháp trong nghiên cứu khoa học; vượt khó, vươn lên học giỏi; tham gia có hiệu quả các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện vì cộng đồng được cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận.

d) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

đ) Có thời gian công tác từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập vào năm tròn.

2. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động.

Ngoài ra, tập thể có 02 năm liên tục được cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc có thành tích xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa, dịch bệnh ở đơn vị, địa phương.

c) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

d) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn.

Điều 16. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”

Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT: Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng một lần cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục được cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Cá nhân trong ngành Giáo dục

a) Có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 20 năm trở lên. Trường hợp cá nhân đang công tác được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự, sau đó tiếp tục nhận công tác trong ngành Giáo dục thì thời gian đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác trong ngành Giáo dục để xét tặng Kỷ niệm chương. Cá nhân có đủ thời gian công tác nhưng bị kỷ luật từ mức khiển trách đến dưới mức buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 02 năm, tính từ thời điểm hết thời hạn chịu kỷ luật; thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Cá nhân đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn so với thời gian quy định tại điểm a khoản này là 05 năm.

2. Cá nhân ngoài ngành Giáo dục:

a) Đã đảm nhiệm chức vụ quản lý đủ một nhiệm kỳ (60 tháng) trở lên, có nhiều đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần vào sự phát triển của ngành Giáo dục;

b) Có nhiều đóng góp xây dựng, ủng hộ tài chính, hiện vật cho sự phát triển ngành Giáo dục, được đơn vị thụ hưởng xác nhận.

3. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Việt Nam, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Giáo dục Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế.

Điều 17. Xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động các hạng

Thực hiện theo các điều khoản quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương IV
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG,
THỜI GIAN GỬI HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 18. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo Điều 77, 78, 80, 81 Luật Thi đua, khen thưởng; Khoản 45 và Khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Khoản 2, Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 7 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.

Điều 19. Tuyến trình khen thưởng

1. Thực hiện theo Điều 17 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND.

2. Quy trình tổ chức xét chọn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hằng năm

a) Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghiên cứu kỹ tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, khen thưởng; xây dựng kế hoạch cho các đơn vị, các nhóm tiến hành xét đề nghị. Khuyến nghị khi xây dựng tiêu chí thi đua cá nhân có thể chia thành bốn nhóm:

- Nhóm 1: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch và phó chủ tịch công đoàn, bí thư và phó bí thư đoàn trường, chủ tịch và phó chủ tịch hội liên hiệp thanh niên, tổng phụ trách đội.

- Nhóm 2: Tổ trưởng và phó tổ trưởng chuyên môn;

- Nhóm 3: Giáo viên;

- Nhóm 4: Nhân viên.

b) Tiến hành Hợp Hội đồng sáng kiến cấp trường trước khi trình Hội đồng sáng kiến cấp ngành xét duyệt. Chỉ các cá nhân có sáng kiến được công nhận mới đưa ra Hội đồng thi đua, khen thưởng đề nghị xem xét.

c) Hợp Hội đồng thi đua, khen thưởng tại đơn vị xét chọn các danh hiệu và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét. Quy trình xét thi đua:

Thư ký Hội đồng thi đua, khen thưởng tổng hợp đề nghị khen thưởng từ các tổ chuyên môn trước khi trình Hội đồng thi đua, khen thưởng. Hội đồng tiến hành họp xét và bình chọn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các cá nhân và tập

thể. Khi xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cơ sở giáo dục phải tiến hành bỏ phiếu kín. Kết quả bỏ phiếu thực hiện theo Khoản 6 Điều 4 của Quy định này.

Điều 20. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng và Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cơ sở

1. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng thực hiện theo Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng chịu trách nhiệm xem xét các hồ sơ đề nghị khen thưởng và tham mưu cho thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp trên khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hướng dẫn thành lập và hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng:

a) Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: Thành phần Hội đồng gồm

- Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng đơn vị;

- Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch, bao gồm Phó Thủ trưởng đơn vị và Chủ tịch Công đoàn đơn vị.

- Các ủy viên bao gồm, đại diện cấp ủy Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trưởng bộ phận chuyên môn liên quan và 01 ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng là người được giao phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

b) Hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng: Thực hiện theo Hướng dẫn số 01/HD-UBND ngày 30/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 21. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Thực hiện theo Điều 19 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND:

1. Các đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo Luật Lưu trữ và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 22. Quy định thời gian gửi hồ sơ

1. Trình hồ sơ khen thưởng theo công trạng (khen thưởng tổng kết năm)

a) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Thời gian gửi hồ sơ về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Giáo dục sẽ có thông báo sau khi có kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến ngành Giáo dục tỉnh. Tuy nhiên chia theo 02 đợt:

- Đợt 1: Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước; Hồ sơ chia khối các đơn vị trực thuộc Sở đề nghị tặng Cờ thi đua và Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh (dự kiến giữa tháng 6).

- Đợt 2: Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng còn lại (dự kiến đầu tháng 7).

Riêng đối với cán bộ, công chức, người lao động các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Thời gian xét thi đua, khen thưởng và nộp hồ sơ sau khi kết thúc năm học (dự kiến giữa tháng 6).

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi chậm nhất ngày 15/02 hằng năm.

c) Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” gửi chậm nhất ngày 01/3 hằng năm.

2. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng ngành Giáo dục trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 03 ngày làm việc.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị xét thi đua, khen thưởng

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

- Tờ trình kèm danh sách và Biên bản; Quyết định công nhận sáng kiến cấp toàn quốc (UBND tỉnh Sóc Trăng): 01 bộ

- Báo cáo thành tích (Mẫu 2 theo ND91); kèm bản mềm: 05 bộ (*nộp trước 01 bộ*).

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba

- Tờ trình kèm danh sách và Biên bản: 01 bộ

- Báo cáo thành tích (Mẫu 1 đối với tập thể, Mẫu 2 đối với cá nhân theo ND91); kèm bản mềm: 05 bộ (*nộp trước 01 bộ*).

3. Hồ sơ chia khối các đơn vị trực thuộc Sở đề nghị tặng Cờ thi đua và Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo Quy định tiêu chí đánh giá các lĩnh vực công tác đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài ra, còn có Báo cáo thành tích (Mẫu 1 theo ND91), kèm bản mềm: 01 bộ

4. Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng còn lại

Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”; Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (sẽ có thông báo sau).

- Tờ trình kèm danh sách: mỗi loại 01 bộ.

- Biên bản: 01 bộ

- Báo cáo thành tích và hồ sơ kèm theo, cụ thể:

TT	Nội dung	Hồ sơ	Số lượng
4.1	Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	Quyết định công nhận kết quả phân loại viên chức của năm đề nghị	1
4.2	Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”	Báo cáo thành tích (Mẫu 2 theo ND91); kèm bản mềm.	1
		Quyết định công nhận sáng kiến cấp tỉnh	1

TT	Nội dung	Hồ sơ	Số lượng
		của năm đề nghị (UBND tỉnh Sóc Trăng).	
4.3	Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”	Báo cáo thành tích (Mẫu 1 theo ND91); kèm bản mềm.	1
		Quyết định công nhận kết quả phân loại viên chức của năm đề nghị	Mỗi năm 01 bộ
4.4	Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh	Báo cáo thành tích (Mẫu 2 theo ND91); kèm bản mềm.	1
		Quyết định công nhận kết quả phân loại viên chức của năm liền kề và năm đề nghị	Mỗi năm 01 bộ
4.5	Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh cho giáo viên hướng dẫn học sinh đạt giải nhất cấp tỉnh; giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia	Báo cáo thành tích (Mẫu 6 theo ND91)	1
		Quyết định phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi	1
		Quyết định công nhận hoặc giấy khen học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia	1
4.6	Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo, đối với cá nhân	Báo cáo thành tích (Mẫu 2 theo ND91); kèm bản mềm.	1
		Quyết định công nhận kết quả phân loại viên chức của năm liền kề và năm đề nghị	Mỗi năm 01 bộ

*** Lưu ý:**

- Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến: thực hiện theo Hướng dẫn xét công nhận sáng kiến ngành Giáo dục tỉnh Sóc Trăng.
- Các đơn vị nộp hồ sơ kết quả thi đua cuối năm học kèm theo danh sách bản mềm, bao gồm: giới (ông, bà), họ và tên, chức vụ/chức danh, đơn vị (không viết tắt; viết hoa ký tự đầu của từ).
- Các mẫu báo cáo thành tích thực hiện theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP (đính kèm mẫu hóa báo cáo thành tích của Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh).

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 24. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

1. Đối với các cơ sở giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý ngân sách

a) Chi cho khen thưởng đột xuất và theo chuyên đề do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức và xem xét khen thưởng (trích từ quỹ thi đua khen thưởng của Ngành Giáo dục).

b) Chi khen thưởng hằng năm cho danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp do Sở Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” do các cơ sở giáo dục trực tiếp chi từ nguồn kinh phí đã cấp hằng năm.

2. Đối với các cơ sở giáo dục không do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý ngân sách

a) Chỉ cho khen thưởng đột xuất và theo chuyên đề do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức và xem xét khen thưởng (trích từ quỹ thi đua khen thưởng của Ngành Giáo dục).

b) Đối với việc xét khen thưởng cho danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” chỉ từ nguồn kinh phí sự nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho đơn vị hằng năm.

3. Đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng khác: Thực hiện theo cấp khen thưởng.

4. Đối với khen thưởng cho học sinh đạt giải tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi THCS và THPT cấp tỉnh: Thực hiện theo công văn số 1240/SGDDĐT-VP, ngày 20/11/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc khen thưởng học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, cụ thể:

a) Đối với học sinh đạt giải Nhất: Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng bằng khen và được kèm theo tiền thưởng là 01 lần mức lương tối thiểu chung.

b) Đối với học sinh đạt giải Nhì và Ba: Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tặng giấy khen và tiền thưởng từ năm học 2014-2015 trở đi. Mức tiền thưởng giải Nhì là 0,3 lần mức lương tối thiểu chung; giải Ba là 0,25 lần mức lương tối thiểu chung.

c) Đối với học sinh đạt giải Khuyến khích: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen. Mức tiền thưởng giải Khuyến khích là 0,15 lần mức lương tối thiểu chung. Riêng tiền thưởng cho học sinh:

- Đối với cấp Trung học phổ thông: do đơn vị trường chi tiền thưởng.

- Đối với cấp Trung học cơ sở: do phòng giáo dục và đào tạo chi tiền thưởng.

Điều 25. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Quỹ thi đua, khen thưởng dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và được sử dụng để:

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, khung giấy khen.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể.

3. Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 26. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND và Khoản 12 Điều 1 Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND.

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của ngành, đơn vị do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua hoặc các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cấp nào có thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua hoặc quyết định khen thưởng (trừ khen thưởng cấp Nhà nước) thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng do cấp mình quản lý.

3. Đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xem xét quyết định việc chi mức tiền thưởng kèm theo từng trường hợp cụ thể.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một tập thể hoặc cá nhân được khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

5. Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc cá nhân đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

6. Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc cá nhân vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 27. Cách tính tiền thưởng và mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VI QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 28. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo Điều 76, 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 29. Hủy bỏ quyết định khen thưởng; thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Thủ trưởng các trường trung học phổ thông và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Quy định này để xây dựng Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị./.